TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2026
V/v ly hôn Hạnh – Quơ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiệp
Bà Trần Thị Nguyệt Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2026/TLST - HNGĐ ngày 01/04/2026 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1970.
Căn cước công dân số: 089170021100.
Bị đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1969.
Căn cước công dân số: 089069024913.
Cùng trú tại: tổ I, ấp P, thị trấn C, tỉnh An Giang.
(bà H xin vắng mặt và ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2026 nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Bà H và ông Q hôn nhân do tìm hiểu rồi thành vợ chồng từ năm 1991, không tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và cũng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 03 người con là Đặng Hồng Q1, sinh ngày 15/09/2001, Đặng Thị H1, sinh ngày 11/02/1996 và Đặng Văn Q2, sinh ngày 24/02/1993, cả ba người con hiện đã trưởng thành và lao động được. Quá trình chung sống ông Q có biểu hiện không chung thuỷ, năm 2010 ông Q thường xuyên bỏ nhà đi sống với người khác, tôi H không bắt gặp hay ông Q thừa nhận nhưng

mỗi lần đi ông Q đi thường là 01 tuần nhiều nhất là 5-7 tháng mới chịu về nhà, vợ chồng vì thế phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, bà H sống vì các con nên cố gắng khuyên can nhưng ông Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, năm 2024 bà H đã nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Toà án hết một lần, sau đó vợ chồng mua bán tài sản với người khác nên đi làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 15/05/2025 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C(cũ) nhưng thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau từ hơn 10 năm nay, hiện tại ông Q đang sống với con trai lớn tại P, bà H sống một mình tại xã C. Nay tình cảm đã không còn bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q.

-Về con chung: 03 người con là Đặng Hồng Q1, sinh ngày 15/09/2001, Đặng Thị H1, sinh ngày 11/02/1996 và Đặng Văn Q2, sinh ngày 24/02/1993, cả ba người con hiện đã trưởng thành và lao động.

Tài sản chung, Nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến yêu cầu nào khác. Ngày 17/4/2026 bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng Văn Q vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày

Tài liệu do Toà án thu thập được: Đại diện ban ấp P, xã C cho biết hiện nay ông Q có đăng ký thường trú ấp P, xã C, tỉnh An Giang nhưng ông Q không có mặt ở địa phương đi làm ở P thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, về tình trạng hôn nhân của ông Q bà H như thế nào thì không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát *viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đặng Văn Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H đối với ông Đặng Văn Q. Các con chung hiện đã trưởng thành và lao động được nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Q nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã C, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án: bà H và ông Q sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, sống chung vợ chồng từ năm 1991, không tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang(nay là xã C, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 15 tháng 05 năm 2025 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông Q, bà H chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cải nhau về chuyện tiền bạc do ông Q không chí thú làm ăn, lại có lối sống không chung thuỷ, vợ chồng sống chung nhà nhưng không tìm được tiếng nói chung và ly thân với nhau hơn 10 năm nay trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà H xin ly hôn với ông Q.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ chồng ông Q, bà H không còn chung sống khoảng hơn 10 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Đặng Văn Q.

[2.2] Về con chung: 03 người con là Đặng Hồng Q1, sinh ngày 15/09/2001, Đặng Thị H1, sinh ngày 11/02/1996 và Đặng Văn Q2, sinh ngày 24/02/1993, cả ba người con hiện đã trưởng thành và lao động được. Vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị H được ly hôn ông Đặng Văn Q.

Về con chung: 03 người con là Đặng Hồng Q1, sinh ngày 15/09/2001, Đặng Thị H1, sinh ngày 11/02/1996 và Đặng Văn Q2, sinh ngày 24/02/1993, cả ba người con hiện đã trưởng thành và lao động được

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 304123 ngày 30/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phan Thị H không phải nộp thêm án phí.

Ông Đặng Văn Q không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Q, bà H vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang(nay là xã Chợ Vàm tỉnh An Giang)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo